

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La (đợt mưa, lũ trong tháng 9 năm 2022)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó, sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 2129/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Sơn La công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai để ứng phó với mưa, lũ xảy ra trong tháng 9 năm 2022 làm ảnh hưởng, hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Sơn La;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Sơn La tại Tờ trình số 3227/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 10 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp với nội dung sau:**

- 1. Tên công trình:** Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La.
- 2. Địa điểm:** Thuộc địa bàn các huyện Vân Hồ, Mộc Châu, Yên Châu,

Mai Sơn, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Mường La, Sông Mã, Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải Sơn La.

**4. Mục đích đầu tư xây dựng:** Khắc cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 hệ thống đường tỉnh (ĐT.101, ĐT.102, ĐT.103, ĐT.106, ĐT.107, ĐT.108, ĐT.109, ĐT.110, ĐT.111, ĐT.112, ĐT.113, ĐT.114, ĐT.115, ĐT.117, ĐT.118) trên địa bàn tỉnh Sơn La do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 9 năm 2022.

**5. Sơ bộ quy mô sửa chữa, khắc phục công trình và các yêu cầu đối với công trình:**

5.1. Đối với khối lượng đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, bồi lấp làm tắc công thoát nước: Tiến hành hút dọn vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ thải đúng quy định;

5.2. Với khối lượng đá tảng có kích thước lớn: Sử dụng máy đào có gắn búa thủy lực để phá, vận chuyển sang ngang hoặc xúc lên phương tiện vận chuyển đến bãi đổ thải đúng quy định;

5.3. Các vị trí sạt lở ta luy âm: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế vị trí sạt lở, xử lý bằng giải pháp đắp lại và đầm chặt hoặc bằng kè rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng kè BTCT (chân khay bằng bê tông M200; mái ta luy bằng bê tông lưới thép M200);

5.4. Các vị trí hư hỏng móng, mặt đường, xói lở lề đường: Tùy theo điều kiện địa hình thực tế đoạn tuyến tiến hành hoàn trả mặt đường láng nhựa hoặc bằng BTXM, trường hợp cần thiết bổ sung rãnh dọc bằng BTXM, BTCT đảm bảo khả năng thoát nước; các vị trí lề đường bị xói lở tiến hành đắp hoàn trả bằng vật liệu tại chỗ hoặc cấp phối đá dăm, đá thải. Một số vị trí móng, mặt đường cần tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết, địa chất xử lý đảm bảo giao thông bằng vật liệu tại chỗ hoặc cấp phối đá dăm, đá thải;

5.5. Các vị trí hư hỏng thượng, hạ lưu công hoặc lòng cầu, tứ nón cầu: Tùy theo vị trí và địa hình thực tế để áp dụng giải pháp khắc phục phù hợp (sử dụng kè rọ thép; hoàn trả bằng kết cấu hiện trạng, bê tông hoặc bê tông cốt thép ...);

5.6. Các vị trí hư hỏng rãnh dọc bằng BTXM, đá xây, gạch xây: Tùy theo điều kiện thực tế tiến hành sửa chữa, khôi phục đoạn rãnh bằng BTXM lắp ghép kết hợp BTXM đổ tại chỗ, bằng đá xây hoặc gạch xây cho phù hợp.

5.7. Khối lượng dự kiến thực hiện: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**6. Dự kiến kinh phí: 9.756,0 triệu đồng.**

**7. Nguồn vốn thực hiện:** Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách Nhà nước).

**8. Thời gian thực hiện:** Hoàn thành trước 30 tháng 12 năm 2022.

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải chỉ đạo đơn vị thi công khẩn trương triển khai thi công xây dựng và hoàn thành công trình đúng tiến độ, đảm bảo chất

lượng, an toàn; tổ chức rà soát, thẩm định khối lượng thi công, lập hồ sơ hoàn thành công trình trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;
- Ban ATGT tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**

## PHỤ LỤC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

### 1. ĐT.101

1.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $9.605\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $511\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $10.117\text{m}^3$ ;

1.2. Đoạn tuyến từ Km10+090 - Km14+350 (nhánh Vân Hồ - Mường Tè) bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 13 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $150\text{m}^3$ .

### 2. ĐT.102

2.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $4.466\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $23\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $4.489\text{m}^3$ ;

2.2. Ta luy âm tại vị trí Km20+020 - Km20+026 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 06m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

2.3. Đoạn tuyến từ Km6+500 - Km30+528 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 39 vị trí. Cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi hoặc đá thải, khối lượng dự tính  $260\text{m}^3$ .

### 3. ĐT.103

3.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $7.373\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $81\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $7.454\text{m}^3$ ;

3.2. Ta luy âm tại vị trí Km4+425 - Km4+435 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 10m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

3.3. Ta luy âm tại vị trí Km21+150 - Km21+160 bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 10m. Cho phép xử lý đắp bù phụ bằng đất, cấp phối và tiếp tục theo dõi lún;

3.4. Đoạn tuyến từ Km1+570 - Km5+150 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 16 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng cấp phối đồi hoặc đá thải, khối lượng dự tính  $101\text{m}^3$ .

#### 4. ĐT.106

4.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $1.364\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $1.364\text{m}^3$ ;

4.2. Đoạn tuyến từ Km23+340 - Km48+475 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 23 vị trí; đề xuất giải pháp khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $163\text{m}^3$ .

#### 5. ĐT.107

5.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $7.024\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $7.024\text{m}^3$ ;

5.2. Mặt đường tại Km11+060 bị sụt, lún thành hố sâu kích thước khoảng  $2 \times 2\text{m}$  sâu 4m; cho phép khắc phục đắp đá hộc, trên đắp cấp phối hoàn trả nền mặt đường, tiếp tục theo dõi lún.

#### 6. ĐT.108

6.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $8.544\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $8.544\text{m}^3$ ;

6.2. Ta luy âm tại vị trí Km7+950 - Km7+970 (Thuận Châu - Mường Bám) bị xói lở, hư hỏng chiều dài dự tính 20m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí;

6.3. Đoạn tuyến từ Km1+050 - Km14+050 (Thuận Châu - Mường Bám) bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 42 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $268\text{m}^3$ ;

6.4. Đoạn tuyến từ Km0+080 - Km8+090 (nhánh Co Mạ - Bó Sinh) bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 23 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $113\text{m}^3$ .

#### 7. ĐT.109

7.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $851\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $06\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $857\text{m}^3$ ;

7.2. Đoạn tuyến từ Km9+400 - Km28+960 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 28 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $76\text{m}^3$ .

## 8. ĐT.110

8.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $1.839\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $23\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính:  $1.862\text{m}^3$ ;

8.2. Tại 14 vị trí trong đoạn tuyến từ Km0+70 - Km1+800 (nhánh Thống Nhất) và 19 vị trí trong đoạn tuyến từ Km0+00 - Km2+915 (nhánh Nà Chạy) hư hỏng kết cấu mặt đường; cho phép khắc phục đắp bù phụ mặt đường bằng cấp phối đồi, khối lượng dự tính  $1.302\text{m}^3$ .

**9. ĐT.111:** Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $1.329\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính:  $1.329\text{m}^3$ .

## 10. ĐT.112

10.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $4.178\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng khoảng:  $4.178\text{m}^3$ ;

10.2. Ta luy âm tại 06 vị trí Km6+640 - Km6+670, Km7+992 - Km7+995, Km7+996 - Km7+999, Km17+983 - Km17+995, Km18+870 - Km18+876, Km19+590 - Km19+610 bị xói lở, hư hỏng tổng chiều dài dự tính 74m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

## 11. ĐT.113

11.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $2.247\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng khoảng:  $2.247\text{m}^3$ ;

11.2. Nền, mặt đường tại Km8+280 - Km8+380 bị lún võng; cho phép khắc phục bằng đắp đá thải hoàn trả nền mặt đường, tiếp tục theo dõi lún;

11.3. Ta luy âm tại 03 vị trí Km2+340 - Km2+360, Km4+725 - Km4+745, Km55+570 - Km55+582 bị xói lở, hư hỏng tổng chiều dài dự tính 52m. Cho phép xử lý bằng kê rọ thép nhồi đá hộc hoặc bằng ốp mái BTXM gia cố lưới thép cho phù hợp địa hình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm kinh phí.

## 12. ĐT.114

12.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $23.382\text{m}^3$ ; phá và hút dọn sạt lở đá từ ta luy dương rơi xuống lòng, lề đường bằng máy đào gắn búa thủy lực, khối lượng dự tính:  $66\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thông nhất, khối lượng dự tính:  $23.449\text{m}^3$ ;

12.2. Ta luy dương tại vị trí Km6+700 - Km6+712 (Tân Lang - Huy Hạ) bị sạt lở, đẫy nghiêng, gây hư hỏng kê rọ thép cũ chiều dài dự tính 12m. Cho phép xử lý đào giảm tải ta luy dương, khôi phục kê rọ thép cũ;

12.3. Vị trí cầu tại Km13+220 (Tân Lang - Huy Hạ) bị xói trôi, hư hỏng ốp mái tứ nón; cho phép khắc phục xây hoàn trả tứ nón cầu bằng BTXM.

### **13. ĐT.115**

13.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $1.604\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $1.604\text{m}^3$ ;

13.2. Nền, mặt đường tại Km17+620 - Km17+700 bị hư hỏng; cho phép khắc phục đắp đá thải hoàn trả nền mặt đường, khối lượng dự tính  $84\text{m}^3$ ;

13.3. Rãnh dọc xây gạch đoạn tuyến từ Km38+810 - Km39+040 bị hư hỏng thành rãnh 05 vị trí; cho phép xử lý xây, trát lại thành rãnh bằng gạch, chiều dài dự tính 78m.

### **14. ĐT.117**

14.1. Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $6.744\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $6.744\text{m}^3$ ;

14.2. Đoạn tuyến từ Km13+100 - Km15+275 bị xói lở, hư hỏng lề đường tại 19 vị trí; cho phép khắc phục đắp hoàn trả lề đường bằng đá thải, khối lượng dự tính  $68\text{m}^3$ .

**15. ĐT.118:** Đào, hút dọn đất, đá sạt lở ta luy dương, sa bồi đất, bùn, đá trôi tràn lên mặt đường, lề đường, rãnh dọc, bồi lấp tắc cống thoát nước, khối lượng hút dọn dự tính:  $1.461\text{m}^3$ ; vận chuyển đất, đá đến vị trí bãi đổ đã được thống nhất, khối lượng dự tính:  $1.461\text{m}^3$ ./.